

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH TH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT CH
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH TH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Văn Tân, ông Đào Quang Tuấn.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022; Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn ĐL, xã TM, huyện TT, tỉnh TH.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Ch - Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn ĐL, xã TM, huyện TT, tỉnh TH.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh Ch (Anh Ch vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2022, bản tự khai ngày 15/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện TT, tỉnh TH vào ngày 11/7/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận được một thời gian dài thì

phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh Ch không chịu khó làm ăn để cùng chị H nuôi dạy con cái. Anh Ch thường xuyên rượu chè, hát hò với bạn bè, khi say thường chửi bới vợ, đập phá đồ đạc trong gia đình. Dẫn đến chị H và anh Ch thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị H đã cố gắng chịu đựng vì con nhưng anh Ch không thay đổi, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho chị H được ly hôn anh Ch.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Anh H (Giới tính: Nam), sinh ngày: 21/10/2012 và cháu Bùi Thị Thu H1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 16/3/2018. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Hai cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tổng đạt H lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn Ch để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H giải nhưng anh Ch đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Văn Ch. Giao 02 cháu Bùi Anh H và cháu Bùi Thị Thu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu một tháng là 1.000.000 đồng, hai cháu một tháng là 2.000.000đ (Hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Bùi Văn Ch phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn Ch. Anh Ch cư trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và H giải H lệ cho anh Ch nhưng anh Ch vắng mặt không có lý do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh Ch và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Bùi Văn Ch theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh Ch đã được triệu tập đến tham gia H giải nhưng anh Ch vắng mặt. Đây là trường H không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh Ch cũng đã được triệu tập H lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh Ch.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Quảng, huyện TT, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân H pháp. Nguyên nhân là do anh Ch thường xuyên rượu chè, hát hò với bạn bè, khi say thường hay chửi bới, đập phá đồ đạc trong gia đình. Dẫn đến chị H và anh Ch thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch.

Hội đồng xét xử thấy: Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án H lệ cho anh Ch, thông báo kết quả về tiếp cận chứng cứ, tiến hành H giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Ch không đến Tòa án để giải quyết việc tranh chấp ly hôn giữa anh và chị H; Từ khi chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn Ch, anh Ch không đến tham gia H giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Ch là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh Ch có 02 con chung là cháu Bùi Anh H, sinh ngày: 21/10/2012 và cháu Bùi Thị Thu H1, sinh ngày: 16/3/2018. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, chị H yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu một tháng là 1.000.000đồng, hai cháu một tháng là 2.000.000đ (Hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

HĐXX thấy: Hiện nay, cả hai cháu đang sinh sống với chị H, được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Theo nguyện vọng của cháu Bùi Anh H, nếu bố mẹ ly hôn cháu H muốn ở với mẹ. Cháu Bùi Thị Thu H1 còn bé nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Đây là nguyện vọng chính đáng của chị H và các con. Nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu Bùi Anh H và cháu Bùi Thị Thu H1, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con của chị H.

Chị H yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu một tháng là 1.000.000đ (Một triệu) đồng, hai cháu một tháng là 2.000.000đ (Hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

HĐXX thấy: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái và phù H với quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Chị H một mình nuôi cả hai con là rất khó khăn về kinh tế. Để phần nào hỗ trợ chị H nuôi các con được tốt hơn, đảm bảo quyền và lợi ích của các con chưa thành niên, cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức tiền cấp dưỡng mỗi tháng của chị H. Buộc anh Ch cấp dưỡng tiền nuôi con chung với mức tiền cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu) đồng một tháng, hai cháu một tháng là 2.000.000đ (Hai triệu) đồng phù H.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh Bùi Văn Ch phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Anh H (Giới tính: Nam), sinh ngày: 21/10/2012 và cháu Bùi Thị Thu H1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 16/3/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn Ch cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu một tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), hai cháu một tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 01/2023 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Anh Ch có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2021/0007802 ngày 07/10/2022. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Văn Ch phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Trường H bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị H, vắng mặt anh Bùi Văn Ch. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ch có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã TQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

